TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 510/2019/DS-ST
Ngày: 12/11/2019.
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú Nhuận.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019, về "tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở chính: số 442 đường Nguyễn Thị Minh K, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà KPĂ H'MIN, sinh năm 1987 (đề nghị Tòa xét xử vắng mặt).

(văn bản ủy quyền số 153/2019/UQ-QLN.19 ngày 20/3/2019)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 409/1 Hòa H, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/4/2012, ông Nguyễn Văn M ký giấy đề nghị Ngân hàng TCMP A cấp thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Ngân hàng TCMP A đã cấp thẻ tín dụng

với mục đích tiêu dùng cá nhân, hạn mức sử dụng là 80.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn M.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với số tiền tổng cộng là 88.184.000 đồng, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Ngày 10/6/2015 Ngân hàng TCMP A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông M và chuyển toàn bộ dư nợ của ông M sang nợ quá hạn. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn M thanh toán cho Ngân hàng TCMP A số tiền nợ gốc là 87.199.327 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/11/2019 là 160.776.444 đồng.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản". Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. [1]

1.2. Về thời hiệu khởi kiện:

Tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên". Nhận thấy không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét. [2]

1.3. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Xét đơn đề nghị vắng mặt của nguyên đơn phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. [3]

Xét thấy Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn M. [4]

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về số tiền nợ gốc:

Xét lời khai của nguyên đơn về việc ông Nguyễn Văn M ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và thực hiện các giao dịch với số tiền tổng cộng là 88.184.000 đồng, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, còn nợ số tiền nợ gốc là 87.199.327 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản. Một bên đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Xét thấy bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó có ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án, nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cũng như không có văn bản trình bày về số tiền đã thực hiện giao dịch, số tiền đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nên Hội đồng xét xử căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/4/2012, các bảng sao kê của ngân hàng do nguyên đơn nộp cho Tòa án, chấp nhận lời khai của nguyên đơn. [5]

2.2. Về số tiền nợ lãi:

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng". Xét thấy ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 10/6/2015 Ngân hàng TCMP A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông M và chuyển toàn bộ dư nợ của ông M sang nợ quá hạn là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên được quy định tại Điều 10 của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. [6]

Số tiền nợ lãi quá hạn theo bảng sao kê của nguyên đơn nộp cho Tòa án tính đến ngày 12/11/2019 là 160.776.444 đồng. Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Xét thấy lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận bằng 150% của lãi suất trong hạn là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. [7]

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Văn

M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A số tiền nợ gốc là 87.199.327 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/6/2015 đến ngày 12/11/2019 là 160.776.444 đồng [8].

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. [9]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Áp dụng Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005,

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng,

- Áp dụng Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TCMP A số tiền nợ gốc là 87.199.327 (tám mươi bảy triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm hai mươi bảy) đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/6/2015 đến ngày 12/11/2019 là 160.767.448 đồng (một trăm sáu mươi triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 13/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/4/2012).

Thi hành một lần, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: 12.398.339 (mười hai triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi chín) đồng, ông Nguyễn Văn M chịu.

Ngân hàng TCMP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TCMP A được nhận lại số tiền tạm nộp án phí là 5.565.242 (năm triệu, năm trăm sáu mươi

lăm nghìn, hai trăm bốn mươi hai) đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2018/0017240 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày đương sự không nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Như Nhiên